

PHẨM 23: SỰ TỬ HỒNG (PHẦN 4)

Đầu phẩm là phần thứ hai nói về việc đến thành Xá-vệ tử thí thần lực. Văn có ba đoạn: 1/ Lý do tử thí; 2/ Chánh thức tử thí; 3/ Đại chúng được lợi ích. Thứ nhất được chia làm bốn: 1/ Xin tử thí; 2/ Vua chẳng cho phép; 3/ Xin một lần nữa; 4/ Vua bằng lòng. Sở dĩ xin tử thí, là vì lúc trước, khi còn ở thành Vương xá đã bị bác bỏ, nay lại đến thành Xá-vệ bị đoạt mất danh, không còn lợi lộc nên chẳng thể nhẫn nhịn được nữa, vì vậy tâu vua xin tử thí. Thứ nhất lại có hai: Một, khen vua, dùng lời gian xảo, giả hiện dung mạo thuận thiện. Hai, là chê bai Phật, ra sức phỉ báng.

Nói tuổi nhỏ, tức Đức Phật năm ba mươi tuổi thành đạo, nên bấy giờ có lẽ mới ngoài ba mươi; tu tập khổ hạnh chỉ sáu năm, nên nói học lực còn cạn cợt. Nói thật chẳng phải sinh trong dòng vua chúa, tức cho Phật là huyễn hóa. Nói: “Cướp đoạt cha mẹ của người”, Đức Phật dạy người lìa tục xuất gia tức là cướp đoạt con cái của cha mẹ, cũng là cắt đứt con cháu nối dõi, chẳng cho cưới vợ, tức là cướp đoạt cha mẹ của nhà người.

Từ câu: “Vua liền nói v.v...” trở xuống là ý thứ hai, vua không cho phép.

Từ câu: “Sáu vị giáo chủ ngoại đạo lại nói v.v...” trở xuống là ý thứ ba, lại xin tử thí.

Từ câu: “Vua nói v.v...” trở xuống là ý thứ tư, vua bằng lòng.

Vua tuy đã tự ý cho phép, nhưng phải đến bạch lên Đức Phật.

Từ câu: “Phật nói rằng v.v...” trở xuống là đoạn hai, chánh thức tử thí, gồm có hai: trước bảo vua xây dựng nhiều Tăng phường.

Bấy giờ, ta vì sáu vị giáo chủ ngoại đạo kia nên từ ngày mồng một đến ngày mười lăm luôn hiện ra các thần thông biến hóa vô cùng ít có. Như kinh Hiền Ngu v.v... đã nói.

Ba là chúng đương thời được lợi ích.

Ở đây chẳng nói tranh luận qua lại, mà chỉ là thị hiện các việc kỳ lạ ít có, ngoại đạo thấy thần biến, tự biết chẳng bằng nên chạy đến thành Bà-chỉ-đa.

Hỏi: Vì sao chẳng tranh luận?

Đáp: Vì trong ba luân, thì Thần thông luân là thích hợp với lúc bấy giờ. Đại chúng và các môn đồ của ngoại đạo đã được lợi ích, còn sáu vị giáo chủ ngoại đạo thì chưa tin phục.

Từ câu: “Bấy giờ sáu vị giáo chủ ngoại đạo, v.v...” trở xuống là

đoạn ba, Phật lại dời đến thành ấy.

Hỏi: Phật có tâm đại bi, chẳng bao giờ nào hại chúng sinh, vì sao lại truy đuổi sáu vị giáo chủ ngoại đạo khắp nơi chẳng dừng nghỉ?

Đáp: Vì muốn phá đổ dị kiến, cứu vô lượng chúng sinh ra khỏi đường tà, dứt trừ sinh tử trói buộc, để đạt được Đại Niết-bàn. Nếu đó chẳng phải là đại bi thương xót, thì lấy làm gì Từ bi đây?

Từ câu: “Sáu vị giáo chủ lại, v.v...” trở xuống là thứ tư, đến thành Tỳ-xá-ly.

Như Lai lại đến nước Tỳ-xá-ly nói các pháp môn cho Am-la nữ và các Ly-xa Tử. Đó là phu nhân Bình-sa mẹ của Kỳ-bà, có nhan sắc rực rỡ. Phật khuyên dạy các Tỳ-kheo quán thân niệm xứ; kể đến vì các Ly-xa mà nói về pháp chẳng buông lung, phá dẹp tâm kiêu mạn. Theo phép nước này, thường chọn người có trí năng làm chủ, còn những người khác thì tham gia luận nghị, cho nên dịch là Biên địa chủ, cũng dịch là Truyền tham quốc sự.

Từ câu: “Bấy giờ sáu vị giáo chủ ngoại đạo, v.v..” trở xuống là đoạn năm, đến thành Ba-la-nại.

“Sáu vị nghe việc này v.v...” trở xuống là đoạn sáu, chạy đến thành Chiêm-bà.

Từ câu: “Bấy giờ, sáu sư v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói đến thành Câu-thi, đều bị truy đuổi, nên chẳng biết đi đâu. Chính là nói Câu-thi nhỏ hẹp, hãy tự giữ gìn mà ở, chẳng cho Phật đến. Văn có ba ý: Một là nói về tà giáo; hai, là chánh giáo; ba, là tà chánh luận nghị.

Đầu tiên khi ngoại đạo mới đến thành Câu-thi, vọng rao nói lỗi của Phật khiến mọi người sinh tà kiến. Văn ghi: “Mẹ là huyễn, thì con là huyễn”, câu này có nghĩa gì? Ý nói phép sinh của con người tự có pháp tắc thông thường, do nhân gì mà sinh từ hông bên phải, đó há chẳng phải là mẹ huyễn sinh con huyễn hay sao?

Thứ hai, Phật đến nói chánh pháp.

Dẹp tà về chánh, thì tà chánh mỗi thứ đều có hành pháp khác nhau.

Từ câu: “Bấy giờ sáu vị giáo chủ, v.v...” trở xuống là đoạn ba, tà chánh hợp luận. Gồm bảy phen hỏi đáp: sáu phen trước là chính thức luận nghị, một phen sau là hàng phục, phen thứ nhất trước lập nghĩa tà.

Cho kiến là ngã, tức là một trong sáu mươi hai tri kiến. Phật đáp phá, có ba: Một, là khiến sáu căn đều có tác dụng. Ở trên nêu hướng làm dụ, nay y theo đó mà hỏi, người ở tại một hướng thấy sắc, nghe âm thanh, đều nhận đủ sáu trần, nay các thầy nói ở mắt chỉ thấy sắc, chẳng

thể nhận đủ các trần, nên biết các ông nói chẳng đúng.

Kế là nói già trẻ chẳng khác.

Như đã nói “đối với hương”, thì dù một trăm tuổi vẫn thấy bên ngoài rất rõ ràng. Nếu già, ngã ở trong nhãn căn thấy không bằng lúc trẻ, thì đâu cần dùng hương để làm dụ?

Thứ ba là trong ngoài đều thấy.

Người đối với “hương” thì trong ngoài đều thấy, ngã ở trong mắt, vì sao chẳng thấy bên trong?

Từ câu: “Sáu vị giáo chủ, v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ hai.

Đây không phải là câu hỏi chính, vì câu hỏi trước rất sâu, cho nên lại hỏi về ngã.

Từ câu: “Phật nói v.v...” trở xuống là lời đáp. Có ba ý: Một là nêu nhân duyên, hai là phá tà ngã, ba là kết luận nói chánh ngã.

Đây là lời đầu tiên, Đức Phật nói nhờ nhân duyên mà được thấy, sắc chẳng phải Ngã, thấy chỉ tạm tưởng thấy mà nói có thấy.

Từ câu: “Này sáu vị, v.v...” trở xuống là ý thứ hai, phá tà ngã, vẫn có ba: Một là nêu chẳng đúng như thế.

Thứ hai, từ câu: “Vì sao v.v...” trở xuống là nêu các lỗi.

Ngã lấy tự tại làm nghĩa, vậy chỉ nên tạo chủng tánh Bà-la-môn mà thôi, vì sao lại thọ thân sáu đường khác nhau? Sắc đã chẳng phải ngã thì thọ, tưởng, hành, thức đều vô ngã.

Từ câu: “Vì vô ngã v.v...” trở xuống là đoạn ba, kết luận nêu lỗi.

Từ câu: “Này sáu vị, v.v...” trở xuống là kết luận nêu chánh ngã. Văn có hai là lược chỉ bày và đối luận.

Ý đoạn này muốn nói: trước đã phá sắc, thọ v.v... vô ngã, thì kia lại hỏi: Như Lai có phải là sắc v.v... hay không? Nên nay sự nêu ý này trước là đáp rằng: Ngã của Như Lai chẳng bị sắc cho đến thọ, tưởng, hành, thức trói buộc, có đủ bốn đức, còn ngã mà các thầy nói đó thì chẳng tránh khỏi bốn nợ trói buộc.

Kế là lại kết luận, cũng cùng với ngoại đạo đối luận.

Ngoại đạo nói Ngã là từ nhân duyên, vì thế vô thường ngã của Như Lai chẳng phải từ nhân duyên mà được, nên có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Từ câu: “sáu vị giáo chủ nói rằng v.v...” trở xuống là phen thứ ba, ngoại đạo đối tông chỉ.

Hoặc cho rằng Bộ riêng của ngoại đạo chấp nghĩa “cùng khắp tất cả mọi nơi” là ngã, chẳng lấy sắc làm ngã.

Từ câu: “Đức Phật nói v.v...” trở xuống là Như Lai phá ý này. Gồm có hai phần: Đầu tiên y cứ vào nghĩa cùng khắp để phá, sau y cứ theo một khác để xem xét. Văn thứ nhất lại có hai lần “lại nữa”, lần thứ nhất là hỏi về nghĩa cùng khắp.

Ngã đã cùng khắp thì lẽ ra trước phải không thấy, lẽ ra phải thường thấy.

Kế là hỏi Ngã cùng khắp, lẽ ra phải khắp trong năm đường, vì sao lại sợ ba đường ác, lại vì muốn làm thân trời, người mà giữ giới làm lành.

Kế đến là y cứ theo một khác, trước nêu hai chương.

Kế là giải thích. Trước y cứ theo một để hỏi, như văn kinh có ghi.

Y cứ theo nhiều để hỏi, trong mỗi thân đều có một ngã; ngã là tự tại, vì sao có lợi độn, ngu trí khác nhau?

Từ câu: “Thưa Cù-đàm v.v...” trở xuống là phen thứ tư, ngoại đạo lại luận biện.

Ngã là một, cũng thường hằng cùng khắp, chúng sinh tu nghiệp thì có khác nhau nên nghiệp quả khác nhau.

Phật phá rằng: Ngã đã cùng khắp lại thường thì đâu có thiện ác đắp đổi nhau, mà lẽ ra tội phước cùng có. Cho nên nói “làm ác lẽ ra có thiện, làm thiện lẽ ra có ác”, nếu chẳng đồng có thì chẳng phải cùng khắp. Vả lại Ngã là tự tại, lẽ ra thiện ác tự làm.

Từ câu: “Thưa Cù-đàm v.v...” trở xuống là phen thứ năm, ngoại đạo lại luận biện, dùng đốt đèn làm dụ.

Tuy cùng một ánh sáng mà thể của mỗi ngọn đèn khác nhau, rốt cuộc Ngã thì cùng khắp, chỉ do thiện ác khác nhau mà thôi; như trong một ngôi nhà đốt một trăm ngọn đèn.

Phật lại phá: Trước nói chẳng phải như thế.

Kế là nêu ba loại để phá: Một từ duyên để phá; hai y cứ theo nơi ánh sáng xuất hiện khác nhau để phá; ba là y cứ theo sáng tối cùng trụ để phá.

Đầu tiên phá rằng: Ông dùng đèn dụ cho pháp, ánh sáng dụ cho ngã, ánh sáng do đèn, nếu nhiều dầu ở tim đèn thì ánh sáng mạnh; Nếu thế thì ngã do nghiệp, nghiệp hết thì ngã tiêu, nghiệp đã nhỏ hẹp thì ngã chẳng cùng khắp.

Thứ hai là hỏi về nơi chốn.

Ánh sáng từ đèn phát sinh, vậy ngã từ nghiệp mà có, thế thì nghiệp có ngã, chẳng phải ngã có nghiệp.

Thứ ba, nói ánh sáng đèn lúc đầu tiên thì ở chung một chỗ với tối.

Nếu thế thì ngã thường của thầy lẽ ra ở trong ngã vô thường; ngã vô thường lẽ ra ở trong ngã thường.

Từ câu: “Thưa Cù-đàm! Nếu vô ngã v.v...” trở xuống là phen thứ sáu, ngoại đạo lại hỏi. Phật đáp, có hai ý: trước phá tà ngã, Ngã đã là thường, vì sao có tạo tác, thường thì đâu có tạo tác. Dù cho có tạo tác, vì sao chẳng làm lành, mà có lúc lại làm ác? Thiện ác đã chẳng cố định, thì biết là vô thường.

Kế là nói chánh ngã. Tức là Như Lai thường trụ.

Phen thứ bảy, ngoại đạo quy phục Như Lai, là kết luận chương này, như văn kinh có ghi...

Từ câu: “Này thiện nam! v.v...” trở xuống là phần hai, nói về nơi chốn của cây Ta-la. Văn có hai: Đầu tiên là kết văn trước, khởi văn sau; kế là nói về nơi chốn. Thứ nhất như văn kinh.

Từ câu: “Một cặp ở phương Đông”, v.v... trở xuống là thứ hai, nói về nơi chốn của cây. Có ba ý: một, là biểu thị nghĩa lý; hai, là hộ pháp; ba, là lợi ích của pháp vị. Thứ nhất là biểu thị nghĩa lý.

Lý là bốn đức. Ý nói dùng hướng Đông biểu thị cho thường và vô thường? Có người cho rằng thuận theo mà lấy một việc, không có mục đích nào khác. Cũng có thể lấy hướng Đông biểu thị cho lạc và không lạc. Hà Tây cho rằng: Hai cây khô biểu thị cho thân ứng hóa diệt, hai cây tươi tốt biểu thị cho Pháp thân thường còn. Nhưng cây Bồ-đề cũng có một gốc khô một gốc tươi, đến khi Phật pháp diệt thì hai gốc đều khô. Nếu thế, cần gì phải nhất định phá thường và vô thường? Nhưng Đức Phật tùy duyên, ứng hóa đều có nguyên do. Hà Tây cho rằng hai gốc phương Đông biểu thị cho thường và vô thường, vì các ngoại đạo tôn thờ trời Đại Tự Tại trụ ở phương Đông, giáo hành ở phương Tây; nay Phật pháp phá vô thường của ngoại đạo, nên nói hai cây ở phương Đông biểu thị cho Thường và Vô thường. Hai cây ở phương Nam biểu thị cho ngã và vô ngã, vì Nam là phương bên phải, tay phải thì thuận, dụ cho dụng của ngã tự tại. Phương Tây biểu thị cho lạc, vì phương Tây tu hành Phật giáo được an vui, biểu thị cho sự an vui của Phật pháp. Phương Bắc biểu thị cho tịnh, vả lại đó là nơi xuất gia, cho nên biểu thị cho sự thanh tịnh trong Phật pháp. Lại nói trời Đại Tự Tại, mặt hướng về Đông, tay phải thuộc phương Nam; đều biểu thị cho ý nghĩa phá bốn điên đảo của ngoại đạo, đạt được bốn đức của Phật pháp; cho nên lập ra cách phối hợp này.

Từ câu: “Này thiện nam! v.v...” trở xuống là ý thứ hai, hộ pháp.

Trước nêu Sự, sau nói về Lý. Sự là dưới cây Ta-la mà nhập Niết-bàn, bốn vị Thiên vương thường giữ gìn cây này, chẳng để người ngoài chặt phá cành lá. Ngày xưa, Thiệu Bá ngồi dưới cây tiểu thường mà thành Tiên, người đời sau vẫn còn bảo vệ cây này, hướng chi Ta-la song thọ của Như Lai.

Từ câu: “Ta-la song thọ v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói lợi ích của pháp vị.

Trước là dụ, sau là hợp giải thích. Hoa quả: Hoa nở tô điểm, người thấy sinh tâm ưa mến dụ cho pháp thân vắng lặng thường trụ không thay đổi. Dùng hoa biểu thị cho Ngã, quả biểu thị cho Lạc, vì chúng có vị ngon ngọt, đầy đủ sắc và hương, người thấy, ngửi, xúc chạm, ăn vào đều ưa thích, Pháp thân cũng như thế, tất cả chúng sinh đều đồng có tánh lạc này.

Từ câu: “Bố-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về thời duyên, có hai ý: một, là nói về tháng hai; hai nói về ngày mười lăm. Thứ nhất có hỏi và đáp.

Đáp có hai ý: Một là nêu dụ để nói về Sự; hai, là hợp dụ để nói về Lý. Thứ nhất:

Nếu nói theo lịch nhà Hạ thì thuộc tháng hai, nếu theo lịch nhà Châu thì thuộc tháng tư, bấy giờ chúng sinh đều nghĩ là thường và rất ưa thích; nên phá chấp trước, được ngộ đạo. Lại nói trong sáu thời, có hai cách giải thích: Hà Tây cho rằng ở Ấn-độ hai tháng là một mùa (thời), một năm có sáu mùa, thế thì ba mùa xuân, hạ và đông mỗi mùa đều có trước và sau. Kinh Kim Quang Minh chép rằng: Nếu hai tháng là một mùa thì một năm có sáu mùa; nếu nói ba tháng là một mùa thì một năm có bốn mùa. Ở đây nói hai tháng là một mùa, đầy đủ sáu mùa. Chiêu-đề cho rằng: Hai mùa Xuân và Đông mỗi mùa đều có mạnh, trọng và quý, nên nói là sáu thời, trong văn nêu Mạnh đông đối lại với Dương xuân, v.v...

Từ câu: “Tháng hai v.v...” trở xuống là hợp dụ để nói về lý.

Hai loại Pháp thân tức là chân thân và Ứng thân. Hà Tây cho rằng thân Thường và thân Vô thường đều thuận theo thế gian. Quả dụ cho bốn quả, lý thuyết cho rằng bốn quả Tiểu thừa, vì Đại bao gồm Tiểu. Có chỗ cho rằng đó là bốn đức.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là ý thứ hai, nói về ngày. Trước hỏi, sau đáp.

Kinh Trường A-hàm nói mồng tám xuất gia, mồng tám nhập Niết-

bàn, ở đây nói ngày mười lăm, đó là do cơ cảm của chúng sinh mà thấy khác nhau, đó cũng là thân mật tự tại của Như Lai.

Đức Phật đáp: Một, là y cứ theo Bản, hai, là y cứ theo Tích. Thứ nhất, là muốn nói điều bản viên mãn tột cùng, nên lấy ngày mười lăm làm dụ.

Từ câu: “ngày mười lăm v.v...” trở xuống là y cứ theo Tích.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói về người làm duyên: Trước nêu người, kế là nói nghĩa. Thứ nhất có hỏi và đáp.

Nói trang nghiêm; tức là người này phải có đủ đức, hạnh, trí, khéo chỉ bày, giảng nói mới có thể trang nghiêm Song thọ; cũng là nói người có đầy đủ đức hạnh có khả năng làm chỗ nương cho tất cả chúng sinh, cho nên được duyên này.

Phật đáp có hai: Một, là nói sáu hạng người trong nhân, sáu người có lẽ là lược nói, hoặc là cơ nghi của chúng sinh, hoặc là đối trị với sáu vị giáo chủ ngoại đạo ở trên, cho nên nêu sáu.

Hỏi: Vì sao chẳng dùng Bồ-tát để trang nghiêm song thọ.

Đáp: Vì Bồ-tát du hóa vô định, không thường theo cạnh Phật, còn sáu vị này thì thường ở bên Phật nên có duyên đối với người, hơn nữa sáu vị Tỳ-kheo này đều là Bồ-tát, v.v...

Văn kinh nói: Ngài Thân Tử nghe Niết-bàn mà chẳng lo buồn, điều này trong A-hàm nói: Thân Tử nghe nói Phật sắp nhập Niết-bàn, không nở thấy Phật diệt độ, nên nhập diệt trước, vì sao nay lại nói nghe Phật Niết-bàn mà không lo buồn? Trong lời đáp của Phật, ngài đã nói về quả đức thì biết đó là nghĩa của Bồ-tát, chẳng nên giải thích theo ý Tiểu thừa.

Từ câu: “Nếu có Tỳ-kheo, v.v...” trở xuống là đoạn hai nói về người đã chứng quả, tức Như Lai là người đã nêu ở trước.

Kế là từ câu: “Kính mong v.v...” trở xuống là phần nói nghĩa, có ba phen hỏi đáp.

Tuy chẳng phải là chánh thức hỏi, nhưng cũng được cho là một câu hỏi.

Từ câu: “Phật bảo v.v...” trở xuống là lời đáp, có hai; Trước nói về Bản, sau nói về Tích. Về Bản lại có hai: Một là nói lược về vô trụ.

Hai là nói rộng về vô trụ, có hai ý; trước là nêu pháp thuyết, sau là dụ thuyết, trong pháp thuyết, trước giải thích về Trụ. Kế là giải thích Vô trụ.

Điều thể là phi hữu nên nói là hư không. Tam-muội Kim cương

tức là Như Lai, xưa giải thích rằng: Thập địa tu học tốt cùng mà vẫn chưa phải là Phật, nhưng trong đạo tương tục thì chuyển tâm Kim cương tức gọi là Phật. Nay y cứ theo văn này nên nói là Như Lai, từ này chung cho nhân và quả, thí như Thủ-lăng-nghiêm chung cho nhân quả. Nói Đàn ba-la-mật, chẳng nên cho rằng sáu hạnh có công năng thành tựu quả. Văn trên nói đủ sáu Ba-la-mật, Đạo phẩm cũng như thế.

Từ câu: “Thí như hư không v.v...” trở xuống là đoạn hai, y cứ theo dụ để nói về vô trụ. Trước là dụ, sau là hợp.

Kế là hợp dụ, trái lại dùng khác nhau để phân biệt Không, Không tức là Vô trụ.

Nói Bồ-tát trụ thứ sáu vì nhân duyên phiền não mà đọa vào ba đường ác, đây có lẽ là chỉ cho sáu tâm, hoặc là nói Lục địa.

Nói thêm: E rằng đó là Lục địa.

Từ câu: “Hôm nay v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về Tích.

Trong đạo Phương tiện lại trở về vắng lặng, chúng sinh chẳng thấy, cho rằng Phật nhập Niết-bàn.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là phen hỏi thứ hai, là hỏi vì sao Như Lai chẳng thường trụ làm lợi ích chúng sinh mà lại nhập Niết-bàn.

Phật đáp rộng nghĩa trên. Nói Pháp tạng bất cộng là chẳng chung với hàng Nhị thừa, trong đó hoặc là nói Diệt ác, hoặc là nói Sinh thiện, tức là ý bốn tất-đàn, nên cần phải nhập định vắng lặng.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ ba, hỏi vì sao gọi Niết-bàn là Vô tướng?

Phật đáp có ba ý, trước nói không có mười tướng.

Kế là nói về chỗ mất của hữu tướng.

Thứ ba là nói về chỗ được của vô tướng.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói về Dụng của tu đạo. Văn có ba: Một, là nói ba pháp; hai là nói về hai pháp giúp nhau; ba là nói về lực dụng. Thứ nhất, trước là hỏi đáp lược, sau là hỏi đáp rộng.

Nhưng ba pháp khác nhau, nếu ở phẩm Thánh Hạnh dùng ba pháp Giới, Định, Tuệ, thì nay văn này dùng ba pháp giới, tuệ và xả, trong đó định tuệ là chánh, xả là tùy nghi (hoặc xả định tu tuệ, hoặc xả tuệ tu định). Nhưng nói thường thường tức chẳng phải chỉ chuyên tu một phẩm mà phải điều hòa, để được tự tại.

Từ câu: “Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là đoạn hai, hỏi đáp rộng. Phần hỏi có hai: trước hỏi chung thế nào là tướng của định, tuệ, xả.

Kế là hỏi riêng ba pháp, có hai: Một là rộng y cứ theo định để hỏi; hai, là dùng tuệ xả để dụ. Hỏi về định có ba ý: Một là y cứ theo bản hữu; hai, là y cứ theo một cảnh; ba, là y cứ theo một hạnh.

Nói đều có, tức chúng sinh đều có Tam-muội. Các sư Số Luận nói trong mười đại địa pháp có Tam-ma-đề, đó là định số, định này vốn có, đâu cần tu tập. Hà Tây cho rằng đây là lấy tâm chuyên chú làm định, chẳng cần phải là định số trong mười Đại địa.

Kế là nói tâm ở một cảnh.

Nếu chỉ hành một cảnh gọi là định, thì tất cả các duyên khác chẳng phải là định, nếu chẳng biết các duyên khác thì đâu được gọi là bậc Nhất Thiết Trí?

Thứ ba là y cứ theo một hạnh để hỏi.

Nếu một hạnh là Tam-muội thì khi thực hành các hạnh khác chẳng phải là Tam-muội. Nếu chẳng thực hành các hạnh khác thì chẳng phải là Nhất Thiết Trí.

Kế là nói tuệ xả cũng như câu hỏi trên.

Phật đáp, trước là đáp câu hỏi riêng, sau đáp câu hỏi chung. Đáp câu hỏi riêng có hai ý: Trước đáp về định, sau đáp về tuệ xả. Đáp về định, trước hỏi định có ba hướng, bây giờ thứ nhất là đáp câu hỏi thứ hai, dùng câu thứ ba để so sánh; kế đến câu hỏi thứ nhất là xưa có (bản hữu).

Nói: Các duyên khác cũng là duyên một cảnh, tức là chuyên tâm vào một duyên. Đây là định cảnh; dùng định mà duyên thì không cảnh nào chẳng định; chẳng thể cho rằng giống như câu hỏi trước chỉ duyên một cảnh. Bởi vì định tâm duyên định cảnh, chứ chẳng phải tán tâm. Dùng định mà chuyên nhất ở Nhất thiết, nên gọi là Nhất thiết trí. Nếu dùng tán tâm duyên cảnh thì bị cảnh dẫn dắt. Nếu dùng định tâm duyên cảnh thì dẫu có đổi duyên thay quán, chẳng phải cảnh kéo dắt tâm, nên gọi là định. Hạnh cũng giống như thế, tức đáp cả câu hỏi thứ ba về nhất hạnh. Nếu dùng tán tâm mà tu tập các hạnh thì hạnh dẫn dắt tâm, nếu dùng định tu tập các hạnh, thì khiến các hạnh là một hạnh.

Từ câu: “lại nói v.v...” trở xuống là truy đáp câu hỏi thứ nhất, hỏi về vốn có.

Thiện Tam-muội: Chẳng phải lấy định chung cho ba tánh định là lấy định khéo tu (Định thiện tu, tức tam chỉ viên tu) làm Thiện Tam-muội.

Kế là từ câu: “Vị trụ trong v.v...” trở xuống là đáp câu hỏi về tuệ, xả; có hai ý: Trước đáp tướng của tuệ. Kế là đáp về tướng xả.

Từ câu: “Lại nữa, Nay Thiện nam! v.v...” trở xuống là đáp câu hỏi chung. Có bốn ý: Một, lược nêu thể của ba pháp; hai, là giải thích tên của ba pháp; ba, là nói rộng thêm về thể của ba pháp; bốn, là nói về công dụng. Thứ nhất nêu thể, có ba ý: một, là nêu thể của định.

Nói thủ tướng sắc, chẳng phải là tâm định chấp tướng sắc, mà đó là tướng nhập, trụ, xuất của môn thiền định. Nói chẳng quán tướng Thường và Vô thường của sắc; vì đã thuộc về tịnh, chẳng thực hành chiếu tri nên chẳng thể quán.

Từ câu: “Nếu có thể quán v.v...” trở xuống là nêu thể của Tuệ.

Thường và Vô thường đều chiếu soi, nên chẳng phải là Thiên tuệ.

Thứ ba, là từ câu: “Tam-muội, tuệ v.v...” trở xuống là nói về thể của xả. Hai việc hòa hợp nên gọi là Bình đẳng. Văn có ba: là pháp, dụ và hợp. Kế là dụ. Thiên định là chậm, Thiên tuệ là nhanh, hai pháp phải ngang bằng, vì thế dùng xe bốn ngựa kéo làm dụ.

Từ câu: “Bồ-tát cũng như thế” v.v... trở xuống là hợp dụ.

Nói Bồ-tát Thập Trụ tuệ nhiều, định ít, Hà Tây giải thích rằng: Mười trụ tiến cầu cảnh giới cao quý mới xây dựng Đại Thừa, trang nghiêm cõi nước, giáo hóa mọi người, thiên khởi trí dụng, cho nên chẳng thấy tánh. Hàng Nhị thừa tự hàng phục, tự tịnh tâm ý, mong cầu chứng đắc, nên định nhiều tuệ ít, do đó chẳng thấy tánh. Nếu định tuệ đồng nhau thì mới thấy tánh. Ở đây nói rằng nếu nhập “Không” nhiều thì là tướng chậm, nhập “giả” nhiều thì là tướng nhanh, không giả đều bật là tướng bình đẳng, thấy tánh, đó là ý Biệt giáo. Như tức không tức giả tức trung, chẳng chậm chẳng nhanh, khéo cỡi xe bốn ngựa kéo, mới thấy được Phật tánh, đây là ý Viên giáo.

Từ câu: “Xa-ma-tha” v.v... trở xuống là thứ hai, giải thích tên gọi.

Trước giải thích tên Định. Có bản gọi là Đà, đều do âm Phạm nặng nhẹ, dịch danh khác nhau, hoặc dịch là chỉ, tức dứt bỏ duyên ác; hoặc dịch là Định; từ này có rất nhiều cách dịch cho nên âm Phạm không theo một nghĩa riêng nào. Tỳ-bà-xá-na dịch là Quán, cũng gọi là Kiến. Ưu-tất-la dịch là tướng xả, cũng dịch là Bình đẳng, bất tranh, v.v...

Từ câu: “Xa-ma-tha v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói rộng về thể của ba pháp, đều dùng tăng số để nói. Thứ nhất nói về định, tăng đến mười pháp.

Làm được lợi ích lớn, Bách luận giải thích là Tam-muội đạt phần;

nhân quả đều vui, Hà Tây giải thích rằng: Định mà chư Phật đạt được thì xuất nhập tự tại, trước sau thường vui; niệm giác quán, tức là thiện ác giác quán đều là tội lỗi; quán sinh diệt, tức là con người phần nhiều đối với sinh diệt mà khởi quán đoạn thường. Mười Nhất thiết xứ, chỉ nêu đất, nước và gió mà không nói lửa, có người cho rằng kinh này ghi sót mất chữ Lửa. Hà Tây cho rằng người tu hành quán bốn đại trong thân chứ chẳng phải quán bốn đại bên ngoài. Ba đại trong thân; trong đó xương thịt v.v... là đất, nước mắt, nước mũi v.v... là nước, còn lửa yếu kém, chỉ là hơi ấm, cho nên chỉ nêu ba. Nhưng chẳng dùng làm xứ là vì muốn nói từ Hạ địa trở xuống chẳng dùng xứ. Chiêu-đề cho rằng: Hỏa đại chẳng thường hằng, nhờ củi đốt mới có, không có củi thì chẳng phát sinh, còn ba đại kia thường hằng, vì thế mới dùng làm xứ. Còn chẳng dùng xứ là muốn nói pháp quán này đã thành tựu, nên chẳng dùng xứ, cho nên tính là một.

Từ câu: “Tuệ có hai v.v...” trở xuống là nói rộng về thể của tuệ. Bát-nhã chính là Tuệ, Tỳ-bà chính là quán, cũng gọi là Kiến,

Xá-na chính là Trí. Giải thoát Bát-nhã là tất cả chúng sinh, tức hiển bày Bát-nhã là Tuệ biết tất cả số chúng sinh. Lại giải thích Tỳ-bà là tướng chung, cũng có tam-muội, vì thế Tam-muội và Tuệ biết được tất cả. Thường giải thích rằng Tuệ là bất si, cho nên ở phạm phu, Kiến gọi là Tiểu thắng nên ở bậc Thánh, trí là quyết đoán, là tối thắng, nên ở chư Phật. Tướng chung, tướng riêng, Phá tướng cũng y cứ theo hơn kém. Hưng Hoàng cho rằng phạm phu có phân biệt tức là tướng riêng, bậc Thánh Nhị thừa là gom chung các pháp vô thường nói ở trước nên thuộc về tướng chung. chư Phật, Bồ-tát phá chung riêng nên gọi là Phá tướng.

Ở đây cho rằng chẳng đúng như thế, đó là nói một tâm ba trí, Phá tướng là chiếu Không, tướng riêng là chiếu Giả, tướng chung là chiếu Trung. Trong ba trí một tâm chỉ được nói về Tuệ không nghĩ bàn, chẳng nói xả, là vì khác thể thì chẳng phải.

Thứ tư nói về công dụng, như văn kinh có nói.

